

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **51/2021/HS-ST**

Ngày: 24 - 3 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa

Bà Đỗ Thị Ngọc Sanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thủy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2021/TLST-HS ngày 28/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 23/02/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 50A/TB-TA ngày 08/3/2021 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 1981 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: số 13/1D, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn T sinh năm 1930 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1943; Bị cáo là con út trong gia đình có 5 anh chị em; chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

2. **Phạm Hoàng N**, sinh năm: 1998 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Phạm Quang H, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1972; Bị cáo là con út trong gia đình có 3 anh chị em; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

3. **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm: 1993 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Số 95N, ấp Ph, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974; Bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 3 anh chị em; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo đều bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 25/07/2020 đến ngày 21/08/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người bào chữa cho bị cáo Khánh: Bà **Hồ Thị Xuân Ch** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (vắng mặt)

+ Chị **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1968; Địa chỉ: số 13/1D, ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị **Nguyễn Thị O** sinh năm 1972; Địa chỉ: số 13/1D, ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

* Người làm chứng: (vắng mặt)

+ Chị **Nguyễn Nữ Thanh T1** sinh năm 1976; Địa chỉ: số 27/1B, ấp Đức Long 1, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1930 và bà **Trần Thị Th**, sinh năm 1943; Cùng địa chỉ: số 13/1D, ấp Tây Nam, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 25 phút ngày 25/07/2020 tại ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Công an huyện T bắt quả tang 03 đối tượng: Nguyễn Thị Xuân T (sinh năm 1981; trú tại: ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai), Phạm Hoàng N (sinh năm 1998, trú tại ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai) và Nguyễn Văn Kh (sinh năm 1993, trú tại ấp Phúc Nhạc 2, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai) đang có hành vi vận chuyển hàng cấm là thuốc lá điều nhập lậu. Lực lượng công an đã lập biên bản và thu giữ tang vật gồm: 210 cây (2100 bao) thuốc lá nhãn hiệu Jet, 50 cây (500 bao) thuốc lá nhãn hiệu Hero, 10 cây (100 bao) thuốc lá nhãn hiệu 555; 01 xe ô tô tải hiệu HINO biển số 60C-543.21, giấy chứng nhận đăng ký xe, sổ kiểm định và 01 Giấy phép lái xe mang tên Phạm Hoàng Ngọc. Tiến hành khám xét nhà Nguyễn Thị Xuân T, lực lượng công an tiếp tục thu giữ 01 cây (10 bao) thuốc lá nhãn hiệu Jet, 03 cây (30 bao) thuốc lá nhãn hiệu 555 màu vàng, 01 cây (10 bao) thuốc lá nhãn hiệu 555 màu xanh, 02 cây (20 bao) thuốc lá nhãn hiệu Zouk.

Nguyễn Thị Xuân T làm nghề kinh doanh tạp hóa và mua xe ô tô tải hiệu HINO biển số 60C-543.21 để vận chuyển hàng hóa mua từ Chợ Đầu mối Hóc Môn thuộc xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh về bán lẻ và nhập cho các cửa hàng tạp hóa khác trong khu vực; Phạm Hoàng N là tài xế được T thuê để

điều khiển xe ô tô tải nói trên và Nguyễn Văn K do T thuê đi theo xe để bốc vác hàng hóa mỗi khi đi lấy hàng và nhập hàng.

Từ khoảng tháng 06/2020, Nguyễn Thị Xuân T liên hệ với một người phụ nữ tên O (không rõ nhân thân, lai lịch), buôn bán tại chợ Đ để mua thuốc lá điều nhập lậu về bán lẻ và nhập lại cho các cửa hàng tạp hóa khác để kiếm lời (trong đó có tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Nữ Thanh T ở 27/1B ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai). Ngày 24/7/2020, T đã liên lạc qua điện thoại với bà O để đặt mua thuốc lá điều nhập lậu; khoảng 08 giờ sáng ngày 25/7/2020 Trang kêu Phạm Hoàng N và Nguyễn Văn K điều khiển xe ô tô tải biển số 60C-543.21 đi đến chợ Đ, thành phố Hồ Chí Minh để lấy hàng. Trước khi đi T có nói cho H và K biết hôm nay có thuốc lá điều nhập lậu nên lấy hàng, sắp xếp hàng và chạy xe cẩn thận né tránh công an kiểm tra phát hiện. Phạm Hoàng N điều khiển xe tải biển số 60C-543.21 chở Nguyễn Văn K đến chợ Đ và dừng xe tại cổng 2B của chợ để lấy hàng. Khoảng 11 đến 12 giờ cùng ngày thì có một người đàn ông (giới thiệu là chồng bà Oanh) điều khiển xe máy (không xác định được biển số) đến giao 04 thùng carton và 02 bịch nilong màu đen đựng thuốc lá điều nhập lậu các loại. Sau khi nhận hàng, N và K xếp lên xe cùng các loại hàng hóa khác và vận chuyển về xã G giao cho T. Đến 16 giờ 25 phút cùng khi T, N và K đang vận chuyển số thuốc lá trên từ trên xe vào nhà thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ quả tang cùng toàn bộ tang vật như trên. Đối với số thuốc lá thu giữ được trong quá trình khám xét, Nguyễn Thị Xuân T khai nhận là mua của bà O trước đó nhưng chưa bán hết.

Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng của vụ án:

- 2.770 bao thuốc lá điều các loại là thuốc lá nhập lậu, không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ thu giữ trong quá trình bắt quả tang và khám xét là của Nguyễn Thị Xuân T.

- 01 xe ô tô tải hiệu HINO, số loại XZU650L, số máy N04CVC12406, số khung N6H7G3000279, biển số 60C-543.21, màu sơn trắng, tải trọng hàng hóa 1900Kg, Giấy chứng nhận đăng ký số 157787 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20/06/2020 cho Nguyễn Thị Xuân T. Xe được Hội đồng định giá UBND huyện Thống Nhất xác định có giá trị 340.000.000 đồng (Kết luận định giá tài sản số 912/KL-HĐĐG ngày 22/09/2020) là phương tiện vận chuyển hàng cấm. Xe ô tô trên là do Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Thị Y và Nguyễn Thị O (là chị ruột T) cùng góp tiền mua để kinh doanh với tỷ lệ 1/3 theo hợp đồng thỏa thuận góp vốn đầu tư được Văn phòng công chứng Huỳnh Thị Liêm công chứng số 1225, quyền số 02/2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/6/2020. Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 113.334.000 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng) tương đương giá trị 1/3 xe và có đơn xin nhận lại xe nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô.

- 01 giấy phép lái xe số 790163227162 hạng B2 do Bộ Giao thông vận tải cấp cho Phạm Hoàng N và 01 chứng minh nhân dân số 272595517 của Phạm Hoàng N (hiện lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 màu xanh do bà Nguyễn Thị O (chị gái Nguyễn Thị Xuân T) tự nguyện giao nộp ngày 17/8/2020 cho cơ quan điều tra.

Cáo trạng số 105/VKS-HS ngày 02/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố: Nguyễn Thị Xuân T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo khoản 1 Điều 191 BLHS; ngày 28/01/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất có Quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng số 13/QĐ.VKS-TN truy tố Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân T từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Hình phạt bổ sung là 20.000.000 đồng.

+ Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng N từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù đến 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

+ Điểm b khoản 1 Điều 190; điểm s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K từ 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Thời gian thử thách của các bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho UBND xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Tòa án tuyên tịch thu tiêu hủy 2.770 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (2.110 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, 140 bao thuốc lá nhãn hiệu 555, 500 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 20 bao thuốc lá nhãn hiệu Zouk) thu giữ của Nguyễn Thị Xuân T.

Tịch thu sung công đối với số tiền 113.334.000 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng) là trị giá 1/3 chiếc xe ô tô tải Hiệu HINO biển số 60C-543.21 mà bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã giao nộp và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 màu xanh là phương tiện bị cáo Nguyễn Thị Xuân T thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại 01 giấy phép lái xe số 790163227162 hạng B2 do Bộ giao thông vận tải cấp và 01 chứng minh nhân dân số 272595517 mang tên Phạm Hoàng N cho bị cáo Phạm Hoàng N.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn K là bà Hồ Thị Xuân C trình bày: Về phần tội danh thì bà Chi không có ý kiến vì hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ, chỉ tranh luận về phần hình phạt áp dụng đối với bị cáo K Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo bị tật bẩm sinh, dù vậy nhưng bị cáo vẫn là lao động chính, gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Khánh hưởng mức án nhẹ dưới khung của điều luật cho bị cáo có điều kiện giúp cho gia đình, cha mẹ.

* Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo T, K, N đều thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Các Bị cáo đã thành khẩn khai báo và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh, cuộc sống của gia đình các bị cáo hiện rất khó khăn, mong được hưởng khoan hồng của pháp luật. Các Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức hình phạt thấp, được hưởng án treo để có thể chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Thị Xuân T làm nghề buôn bán hàng tạp hóa, bị cáo đã lợi dụng đề buôn bán thuốc lá nhập lậu nhằm kiếm lời. Ngày 24/07/2020 Trang đã liên lạc qua điện thoại với đối tượng tên O (không xác định được nhân thân lai lịch) để đặt mua thuốc lá điều nhập lậu về bán. Trang thuê Phạm Hoàng N (là tài xế) và Nguyễn Văn K phụ đề bốc vác hàng hóa, điều khiển xe tải biển số 60C-543.2 của T đi đến chợ Đ, thành phố Hồ Chí Minh để lấy hàng tạp hóa về bán trong đó

có thuốc lá điều nhập lậu. Biết là thuốc lá điều nhập lậu nhưng Phạm Hoàng N và Nguyễn Văn K vẫn lấy hàng và vận chuyển về xã G giao cho T. Khoảng 16 giờ 25 phút cùng ngày T, N và K đang chuyển số thuốc lá trên vào nhà T thì bị lực lượng Công an huyện Thống Nhất phát hiện, khám xét và bắt giữ quả tang tổng số thuốc lá thu giữ là 2.700 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (2.110 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, 140 bao thuốc lá nhãn hiệu 555, 500 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 20 bao thuốc lá nhãn hiệu Zouk); thu giữ tại cửa hàng tạp hóa của bị cáo T 01 cây (10 bao) thuốc lá hiệu 555 màu xanh, 02 cây (20 bao) thuốc lá hiệu Zouk. Tổng cộng là 2770 bao thuốc lá điều nhập lậu.

Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hoá mà Nhà nước cấm lưu hành, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn gây ra những thiệt hại cho xã hội, ảnh hưởng đến những người sản xuất, kinh doanh hợp pháp. Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T lợi dụng việc kinh doanh tạp hóa để buôn bán thuốc lá nhập lậu nên giữ vai trò chính. Các bị cáo K và H được bị cáo T thuê làm công thực hiện việc lái xe lấy hàng tạp hóa về bán, các bị cáo đều biết rõ trong số hàng lấy có thuốc lá điều nhập lậu nhưng vẫn tham gia, đóng vai trò giúp sức trong hành vi buôn bán hàng cấm của bị cáo T. Do vậy cũng phải chịu trách nhiệm với mức hình phạt tương xứng với vai trò hành vi các bị cáo gây ra theo Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo K là người bị khuyết tật nặng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, Bị cáo T là phụ nữ đã lớn tuổi nhưng chưa lập gia đình riêng mà chung sống và trực tiếp chăm sóc cho cha mẹ đều già yếu, hiện đều đang bị bệnh nặng (bệnh Tim, phổi, đái tháo đường nặng), bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, đồng thời cung cấp các giấy tờ xác nhận tình trạng bệnh nặng, đang điều trị của cha mẹ bị cáo trạng tại các cơ sở y tế, thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, áp dụng thêm Điều 54 BLHS đối với bị cáo K.

Xét thấy, các bị cáo phạm tội của các bị cáo đều vì mục đích hám lợi, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 25/7/2020 đến ngày 21/8/2020), các bị cáo bị cáo đều nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Nhận thấy, việc không cách ly các bị cáo để cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo, giao chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát đối với các bị cáo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật hình sự, thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*. Hội đồng xét xử xét thấy, từ việc buôn bán hàng cấm bị cáo T đã gây thiệt hại cho kinh tế Nhà nước, do đó cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung, buộc bị cáo T phải nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 2.770 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (2.110 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, 140 bao thuốc lá nhãn hiệu 555, 500 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 20 bao thuốc lá nhãn hiệu Zouk) thu giữ của Nguyễn Thị Xuân T.

Tịch thu sung công đối với số tiền 113.334.000 đồng (Một trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng) là trị giá 1/3 chiếc xe ô tô tải Hiệu HINO biển số 60C-543.21 mà bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã giao nộp và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 màu xanh là phương tiện bị cáo Nguyễn Thị Xuân T thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại 01 giấy phép lái xe số 790163227162 hạng B2 do Bộ Giao thông vận tải cấp và 01 chứng minh nhân dân số 272595517 mang tên Phạm Hoàng N cho bị cáo Phạm Hoàng N.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm của người bào chữa cho bị cáo K là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, 65 của Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo Khánh áp dụng thêm điểm p, khoản 1 Điều 51, 54 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Xuân T 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án.
- Bị cáo Phạm Hoàng N 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.
- Bị cáo Nguyễn Văn K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã G; bị cáo N cho UBND xã G 1; bị cáo K cho UBND xã G3, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 190 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo T phải nộp số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ Luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 2.770 bao thuốc lá điều nhập lậu các loại (2.110 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet, 140 bao thuốc lá nhãn hiệu 555, 500 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero, 20 bao thuốc lá nhãn hiệu Zouk).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 113.334.000 đồng (một trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn đồng) là trị giá 1/3 chiếc xe ô tô tải hiệu HINO biển số 60C-543.21 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 màu xanh.

(Tiền và Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/11/2020 và biên lai thu tiền số 0002411 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất).

Trả lại cho bị cáo Phạm Hoàng N 01 (một) giấy phép lái xe số 790163227162 hạng B2 do Bộ Giao thông vận tải cấp và 01 (một) chứng minh nhân dân số 272595517 mang tên Phạm Hoàng N (Giấy phép lái xe và CMND hiện đang do Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất quản lý).

3. Về án phí

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Văn K và Phạm Hoàng N mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo

Các Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT CA H. Thống Nhất;
- Cơ quan THA HS H. Thống Nhất
- Thi hành án DS H. Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các Bị cáo, người LQ;
- UBND các xã (03)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Kiều Vân

